TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/DS-ST
Ngày: 14/9/2023

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; hợp đồng góp hụi; hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Phương Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công

2. Ông Trần Thanh Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; hợp đồng góp hụi; hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 566/2023/QĐST-DS, ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1986; địa chỉ: số C, tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Châu Thị Bích D, sinh năm 1983; địa chỉ: số F, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; địa chỉ: số F, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; (ông Hoàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2023 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng*: Do chỗ quen biết, nên bà Nguyễn Thị Mỹ C có giao dịch dân sự với vợ chồng ông Nguyễn Hoàng A, bà Châu Thị Bích D có giao dịch mua bán, vay tiền và góp hụi cụ thể như sau:

1. Đối với việc mua vật tư nông nghiệp:

+ Từ ngày 07/11/2018 đến ngày 20/02/2013, ông Nguyễn Hoàng A, bà Châu Thị Bích D có mua phân bón thuốc trừ sâu tại cửa hàng của bà với số tiền nợ là 259.782.000 đồng.

2. Đối với hợp đồng góp hụi:

+ Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 01/11/2018, gồm 24 phần, bà D, ông H tham gia 01 phần, hốt ngày 01/02/2019, với số tiền 36.400.000 đồng, đóng hụi chết được 20.000.000 đồng và còn nợ lại 10 lần với số tiền là 20.000.000 đồng.

+ Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2019, gồm 24 phần, bà D, ông H tham gia 01 phần, hốt ngày 15/01/2020, với số tiền 86.400.000 đồng, đóng hụi chết được 32.800.000 đồng với số tiền là 77.200.000 đồng.

3. Hợp đồng vay tiền:

+ Ngày 10/12/2021, bà D, ông H có vay của bà với số tiến 60.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, hẹn 14 ngày sau trả nhưng bà D, ông H không thực hiện.

Ngày 12/6/2023, thì bà Châu Thị Bích D có viết cho bà biên nhận nợ tiền mua vật tư; nợ vay và nợ hụi tổng cộng là 416.982.000 đồng.

Do bà Châu Thị Bích D và ông Nguyễn Hoàng A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Nguyễn Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu bà Châu Thị Bích D và ông Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền còn nợ với tổng các khoản nợ 416.982.000 đồng (bốn trăm mười sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) và tính lãi theo quy định pháp luật từng khoản nợ cụ thể như sau:

Đối với nợ hụi là 97.200.000 đồng thì bà không yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu tính lãi tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 259.182.000 đồng, theo quy định pháp luật suất kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử; nợ vay 60.000.000 đồng yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật suất kể từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày xét xử.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 12/6/2023 có chữ ký, chữ viết đề họ và tên người vay Châu Thị Bích D (bản photo).

- *Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Châu Thị Bích D trình bày:*

1. Đối với việc mua vật tư nông nghiệp: Bà thừa nhận từ ngày 07/11/2018 đến ngày 20/02/2013, vợ chồng bà có mua phân bón thuốc trừ sâu tại cửa hàng của bà C và nợ bà C số tiền là 259.782.000 đồng. Khoản nợ này là của hai vợ chồng nên bà đồng ý cùng ông Hoàng A trả nợ cho bà C.

2. Đối với hợp đồng góp hụi; thì bà có tham gia các dây hụi do bà C làm chủ cụ thể như sau:

+ Hụi tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 01/11/2018, gồm 24 phần, bà D, ông Hoàng A tham gia 01 phần, hốt ngày 01/02/2019, với số tiền 36.400.000 đồng, đóng hụi chết được 20.000.000 đồng và còn nợ lại 10 lần với số tiền là 20.000.000 đồng.

+ Hụi tháng 5.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2019, gồm 24 phần, bà D, ông H tham gia 01 phần, hốt ngày 15/01/2020, với số tiền 86.400.000 đồng, đóng hụi chết được 32.800.000 đồng và còn nợ lại số tiền là 77.200.000 đồng.

Số tiền hụi này là cá nhận bà chơi với bà C ông Hoàng A không liên quan nên bà chỉ xin cá nhân bà trả khoản nợ này cho bà C.

3. Hợp đồng vay tiền: Ngày 10/12/2021, bà có hỏi vay tiền của bà C với số tiến 60.000.000 đồng để làm ăn cá nhân hẹn 14 ngày sau trả nhưng do khó khăn nên không có khả năng thanh toán cho bà C; đây cũng là khoản vay của cá nhân không liên quan đến ông Hoàng A.

Bà D thừa nhận hiện nay còn nợ bà C các khoản tiền cụ thể như sau: Đối với số tiền nợ phân bón, thuốc trừ sâu là: 259.782.000 đồng là nợ chung của hai vợ chồng. Nợ cá nhân của bà không liên quan đến ông Hoàng A là: nợ tiền hụi là 97.200.000 đồng; nợ tiền vay là 60.000.000 đồng. Bà xin bà C cho bà trả hàng quý (03 tháng) là 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không tính lãi. Ông Hoàng A không có liên quan nợ tiền hụi là 97.200.000 đồng và nợ tiền vay là 60.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hoàng A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong phiên xét xử giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2023, ông Hoàng A trình bày, đối với số tiền bà D vay của bà C 60.000.000 đồng và nợ hụi 97.200.000 đồng đó là cá nhân giữa bà D và bà C ông không biết có việc vay mượn này nên việc bà C yêu cầu ông liên đới trả hai khoản nợ này thì ông không đồng ý. Bà D tự gây nợ thì bà D tự trả không liên quan đến ông. Đối với số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 259.782.000 đồng thì ông có đưa tiền cho bà D trả cho bà C nhưng bà D không trả nên mới có khoản nợ này thì ông thừa nhận số nợ này và xin cho trả dần một vụ lúa là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không tính lãi.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C vắng mặt nhưng bà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với nợ

hụi là 97.200.000 đồng thì bà không yêu cầu tính lãi. Bà chỉ yêu cầu tính lãi tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 259.182.000 đồng, theo quy định pháp luật suất kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử; nợ vay 60.000.000 đồng yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật suất kể từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày xét xử

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 357, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ C. Buộc bà Châu Thị Bích D trả nợ cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền nợ hụi 97.200.000 đồng và tiền vay 60.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền vày 60.000.000 đồng, kể từ ngày khởi kiện đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà C về việc tính lãi trên số tiền nợ hụi 97.200.000 đồng và yêu cầu cầu ông Hoàng A liên đới cùng bà D trả số tiền nợ hụi 97.200.000 đồng và số tiền vay 60.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Hoàng A liên đới cùng bà Châu Thị Bích D trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 259.782.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật, kể từ ngày khởi kiện đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Châu Thị Bích D trả nợ vay; nợ hụi và tiền mua bán vật tư nông nghiệp. Bà D đang cư trú trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của bà C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Châu Thị Bích D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia

phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 13/9/2023, bà C có đơn gửi Tòa án yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A liên đới cùng với bà D trả số tiền nợ hụi 97.200.000 đồng và nợ vay là 60.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi là 97.200.000 đồng. Bà C xin rút các yêu cầu trên là sự tự nguyện của bà C Phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Do đó, Tòa án sẽ đình chỉ đối với phần yêu cầu này của bà C.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà C căn cứ "Biên nhận" ngày 12/6/2023", yêu cầu ông Hoàng A, bà D liên đới trả cho trả cho bà số tiền nợ vật tư nông nghiệp 259.782.000 đồng và yêu cầu bà D trả tiền nợ hụi 97.200.000 đồng và nợ vay 60.000.000 đồng. Hợp đồng góp hụi; hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị mỹ C1 với bà Châu Thị Bích D và hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà C1 với ông Hoàng A, bà D là phù hợp Điều 430, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với hợp đồng góp hụi bà D còn nợ 97.200.000 đồng và hợp đồng vay tiền ngày 10/12/2021, bà D còn nợ 60.000.000 đồng; hai khoản nợ này bà D thừa nhận nợ và xin trả dần. Đối với hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp 259.782.000 đồng; ông Hoàng A, bà D thừa nhận nợ chung vợ chồng và xin trả dần.

Xét thấy số tiền nợ hụi, nợ vay và tiền nợ vật tư nông nghiệp theo biên nhận ngày 12/6/2023 của bà C1 được phía ông Hoàng A, bà D thừa nhận nợ và đồng ý trả nợ được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ C đối với ông Nguyễn Hoàng A và bà Châu Thị Bích D theo từng khoản nợ của mỗi người có căn cứ nên được xem xét chấp nhận. Việc ông Hoàng A, bà D xin trả dần số tiền còn nợ nhưng bà C không đồng ý nên không có cở sở để xem xét yêu cầu này của ông Hoàng A, bà D; các đương sự có thể thỏa thuận phương thức thanh toán nợ tại giai đoạn thi hành án.

** Về lãi suất:*

Đối với khoản vay 60.000.000đ và nợ vật tư nông nghiệp 259.782.000 đồng, do bà D, ông Hoàng A vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C nên việc bà C yêu cầu tính lãi là có căn cứ phù hợp điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tiền lãi sẽ được tính như sau:

Nợ vay 60.000.000 đồng, bà C yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2023 đến ngày xét xử đây là sự tự nguyện của bà C phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (10%/năm):

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 60.000.000 đồng x 10%/năm x (15/6/2023 đến 14/9/2023 là 02 tháng 29 ngày) = 1.477.000 đồng.

Như vậy bà Châu Thị Bích D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền nợ hụi; vốn lãi của tiền vay là: 97.200.000 đồng + 60.000.000 đồng + 1.477.000 đồng = 158.677.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng);

Nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp 259.782.000 đồng, bà C yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2023 đến ngày xét xử đây là sự tự nguyện của bà C phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Mức lãi suất với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (10%/năm):

259.782.000 đồng x 10%/năm (15/6/2023 đến 14/9/2023 là 02 tháng 29 ngày) = 6.396.000 đồng.

Như vậy bà Châu Thị Bích D và ông Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền nợ vật tư nông nghiệp là: 259.782.000 đồng đồng + 6.396.000 đồng = 266.178.000 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng);

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy điịnh pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 430, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gà gia đình năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ C.

[1.1]. Buộc bà Châu Thị Bích D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C tổng số tiền nợ hụi, nợ vay là 158.677.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Buộc bà Châu Thị Bích D và ông Nguyễn Hoàng A có trách nhiệm liên đới liên trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ C số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ là 266.178.000 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ đối với yêu cầu của bà C về việc tính lãi trên số tiền nợ hụi 97.200.000 đồng và Đình chỉ đối với yêu cầu của bà C về việc yêu cầu ông Hoàng A liên đới cùng bà D trả số tiền nợ hụi 97.200.000 đồng; tiền nợ vay 60.000.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Châu Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sở thẩm 7.933.000 đồng (bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Đối với số tiền nợ hụi, nợ vay là 158.677.000 đồng.

Bà Châu Thị Bích D, ông Nguyễn Hoàng A liên đới phải chịu án phí dân sự sở thẩm 13.308.000 đồng (mười ba triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng). Đối với số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 266.178.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ C được nhận lại 10.400.000 (mười triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013790 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Phương Quyền